

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày 19/7/2022

"V/v Tranh chấp về Hợp đồng  
mua bán hàng hoá"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Giai Thường và Vũ Thị Lan Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số: 01/2021/TLST-KDTM, ngày 14/01/2021 về " Tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST- KDTM ngày 13/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-KDTM ngày 30/6/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Khắc P - Hộ kinh doanh P ( Nhà phân phối P).

Địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Q (có mặt).

**2. Bị đơn:** Công ty cổ phần Đầu tư V .

Địa chỉ: Số 18 đường A, thị trấn H, huyện T, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức T, sinh năm 1972 - Chức vụ: Tổng giám đốc; nơi cư trú: Số 89 Lạc Long Q, phường T, thành phố P, tỉnh G (vắng mặt).

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Hoàng Minh Đ, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khu 5, phường Nam L, thành phố Đ, tỉnh Q (vắng mặt).

- Bà Hoàng Thị Mi M, sinh năm 1991; nơi cư trú: Kiệt 7, đường Trần Đ, thành phố Đ, tỉnh Q (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, ông Nguyễn Khắc P - Chủ Hộ kinh doanh P trình bày:*** Ngày 01/01/2018 Công ty cổ phần Đầu tư V (Công ty V) và Hộ kinh doanh P (Nhà phân phối P) thỏa thuận về việc phân phối sản phẩm. Công ty V đồng ý để Nhà phân phối P làm nhà phân phối tại khu vực thành phố Đ, tỉnh Q, kinh doanh các hàng hóa do Công ty V sản xuất như: Sữa, cà phê..... Việc giao nhận hàng được 2 bên thống nhất và thực hiện tại kho hàng của Nhà phân phối Phúc Hưng; địa chỉ: Quốc lộ 9, khu phố 5, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Q. Việc Công ty Việt H và Nhà phân phối P làm nhà phân phối tại khu vực thành phố Đ giữa 2 bên không có hợp đồng văn bản, chỉ có giao kết bằng lời nói, không có hợp đồng phân phối sản phẩm hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa. Quá trình thực hiện thỏa thuận, Công ty V đã nhiều lần giao hàng cho Nhà phân phối P khi giao hàng, Công ty V đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu bán hàng có chữ ký của diện theo pháp luật của Công ty. Phương thức lấy hàng và trả tiền giữa Nhà phân phối P và Công ty V được thực hiện như sau: Khi nhân viên giám sát bán hàng của Công ty thấy trong kho Nhà phân phối thiếu hoặc không có hàng thì nhân viên giám sát bán hàng lên đơn gửi mail về cho kế toán Công ty và Nhà phân phối. Sau đó, căn cứ vào đơn hàng của nhân viên giám sát Nhà phân phối P sẽ chuyển tiền về Công ty và Công ty chuyển hàng về cho Nhà phân phối. Trong quá trình kinh doanh, nhân viên giám sát của Công ty là bà M nhận hàng từ kho nhà Phân phối mang ra thị trường cho nhân viên thị trường bán.

Quá trình thực hiện theo thỏa thuận đến ngày 27/11/2019, hai bên thỏa thuận chấm dứt việc mua bán hàng hóa. Do Công ty V không trực tiếp vào để nhận hàng được nên đã cử Bộ phận giám sát bán hàng tại Quảng Trị là bà Nguyễn Thị Mị M và giám sát quản lý khu vực Miền Trung là ông Hoàng Minh Đ đến nhận hàng chuyển trả và xác nhận công nợ đối với Nhà phân phối P. Tại Bảng kê hàng tồn kho do Đại diện Công ty V là bà M, ông Đ xác nhận số tiền công nợ thị trường mà Bộ phận bán hàng của Công ty V nhận hàng từ kho của Nhà phân phối P mang ra bán tại thị trường nhưng chưa nộp lại tiền cho Nhà phân phối P là 15.350.000 đồng. Ngoài ra, theo thỏa thuận số hàng tồn kho của Nhà phân phối P thì Công ty V sẽ lấy lại theo giá Nhà phân phối đã mua. Tính đến ngày 13/3/2020 hàng tồn kho của Nhà phân phối P do Công ty V lấy lại có giá trị là 62.502.720 đồng và đôi bên đã lập biên bản đối chiếu Công nợ. Nhà phân phối P và Công ty V thỏa thuận: Nhà phân phối P sẽ chịu chi phí tiền cước vận chuyển 3.000.000 đồng hàng tồn về công ty. Ngày 27/3/2020 ông Đ đã nhận lại đủ số hàng tồn kho của phối P. Sau khi Công ty nhận lại hàng trừ chi phí vận chuyển thì Công ty V còn nợ Nhà phân phối P là (62.502.720 đồng + 15.350.000 đồng) - 3.000.000 đồng =

74.852.720 đồng. Sau đó, ông P còn trao đổi qua email với ông Trần Đức T về việc trả nợ và hứa sẽ thực hiện thanh lý hợp đồng trong thời hạn 3 đến 7 ngày. Tuy nhiên, Công ty V sau đó không thanh toán khoản nợ trên cho Nhà phân phối P.

Ngày 08/6/2020, ông P làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V phải trả Nhà phân phối P số tiền 74.852.720 đồng, bao gồm 02 khoản: khoản nợ 15.350.000 đồng theo Bảng kê tồn kho Nhà phân phối lập ngày 27/11/2019 và 59.502.720 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 13/3/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xác định không thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án nên đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B giải quyết theo thẩm quyền.

***Theo Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mi***

***M trình bày:*** Bà là nhân viên của Công ty V đã nghỉ làm tại công ty. Trước khi nghỉ làm bà đã bàn giao lại mọi vấn đề công nợ cho công ty. Yêu cầu thanh toán nghĩa vụ là nghĩa vụ của Công ty V với Nhà phân phối P. Vào ngày 27/11/2019, bà có tới kho Nhà phân phối để kiểm hàng tồn kho và xác nhận công nợ cùng với cấp trên là ông Hoàng Minh Đ.

***Theo Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Minh***

***Đ trình bày:*** Ông là nhân viên công ty V và là đồng nghiệp của bà Nguyễn Thị Mi M. Ông chỉ biết trụ sở Công ty ở tại địa chỉ số 18, đường A, thị trấn H, huyện T, tỉnh B. Ngoài ra, ông không biết địa chỉ của Công ty ở địa chỉ nào khác. Ông đã nghỉ không làm việc cho Công ty V được 02 năm. Trong thời gian làm việc tại Công ty Việt Hà, ông làm nhiệm vụ giám sát bán hàng của công ty. Ông và bà M có giao nhận mặt hàng Cà phê hòa tan với ông Nguyễn Khắc P khoảng năm 2019, 2020, cụ thể thời gian thì ông không nhớ. Ông không rõ quá trình giao nhận hàng công ty có nợ tiền của Hộ kinh doanh P hay không, ông cũng không rõ nợ bao nhiêu tiền. Đối với yêu cầu của ông P chủ hộ kinh doanh P yêu cầu Công ty V trả cho ông P số tiền 74.852.720 đồng. Ông Đ cho rằng ông là nhân viên giao hàng còn trách nhiệm trả tiền thuộc về Công ty V. Ông đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã chấp hành

đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 BLTTDS; các điều 24, 34, 35, 37, 50, 319 Luật Thương Mại; Điều 280, 351 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- + Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- + Buộc Công ty V phải trả Nhà phân phối P số tiền 74.852.720 đồng, bao gồm 02 khoản: khoản nợ 15.350.000 đồng theo Bảng kê tồn kho Nhà phân phối lập ngày 27/11/2019 và 59.502.720 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 13/3/2020.

- + Về án phí: Công ty V phải chịu án phí KDTM theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay mặc dù người đại diện theo pháp luật của Công ty V là ông Trần Đức T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đ và bà M đều vắng mặt. Nhưng ông T, ông Đ và bà M đã được Tòa án gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Đ, bà M không có ý kiến gì, ông Đ đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét thấy Nhà phân phối P và Công ty V đều có giấy phép kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp Kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Nhà phân phối P và Công ty V thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện tại Công ty V là bị đơn trong vụ án không ở địa chỉ: 18 đường A, thị trấn H, huyện T, tỉnh B. Nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã được sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh B cung cấp trên Giấy phép kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư V thì Công ty vẫn ở địa chỉ: 18 đường A thị trấn H, huyện T, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 13/3/2020 đối chiếu công

nợ xong, ngày 08/6/2020 Nhà phân phối P khởi kiện nên xác định thời hiệu khởi kiện của Nhà phân phối Phúc Hưng là còn thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 319 Luật Thương mại. Quá trình giải quyết vụ án do Công ty V không có ở địa chỉ 18 đường A, thị trấn H, huyện T, tỉnh B nên Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho Công ty theo đúng quy định của pháp luật; đối với ông Trần Đức T là người đại diện theo pháp luật của Công ty, Toà án đã áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ và gửi các văn bản tố tụng cho ông Tuấn theo quy định của pháp luật. Do vậy, HĐXX xác định quyền và nghĩa vụ của bị đơn đã được đảm bảo.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Nhà phân phối P và Công ty V được giao kết vào năm 2018 nên HĐXX áp dụng Luật Thương mại và Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3]. Về nội dung: Ngày 01/01/2018 Nhà phân phối P do ông Nguyễn Khắc P làm chủ đã giao kết hợp đồng bằng lời nói với Công ty V. Quá trình hoạt động do kinh doanh không có hiệu quả nên ngày 27/11/2020 đôi bên đã tạm dừng kinh doanh, phân phối sản phẩm, tiến hành đối chiếu công nợ và hàng tồn kho của Nhà phân phối. Ngày 13/3/2020 đối chiếu công nợ xong, nhân viên quản lý vùng là ông Hoàng Minh Đ và Nhà phân phối là ông P ký xác nhận trả hàng tồn về Công ty theo bảng đối chiếu. Đôi bên xác định số hàng tồn theo bảng đối chiếu trị giá 62.502.720 đồng, đôi thống nhất Nhà phân phối P chịu tiền cước vận chuyển hàng tồn về Công ty là 3.000.000 đồng, số tiền Công ty V phải trả cho Nhà phân phối P là 59.502.720 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mi M đó nhân viên giám sát của Công ty V lấy hàng từ Nhà phân phối P đưa ra thị trường bán nhưng chưa trả tiền cho Nhà phân phối; ông P, ông Đ và bà M đã chốt nợ và xác định Công ty V còn nợ Nhà phân phối Phúc Hưng số tiền là 15.350.000 đồng.

Tính đến ngày 13/3/2020 Công ty V còn nợ Nhà phân phối P tổng số tiền là 74.852.720 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ xong ông P, ông Đ và bà M đã gửi văn bản qua thư điện tử (Mail) về cho Công ty V báo cáo. Sau thời gian đó do Công ty V không trả nợ nên ông P chủ Nhà phân phối đã điện thoại cho ông T đại diện theo pháp luật của Công ty V nhiều lần nhưng Công ty không thanh toán.

Xét thấy, Công ty V không có ở địa chỉ 18 đường A, thị trấn H, huyện T, tỉnh B mặc dù trên giấy phép kinh doanh thì Công ty V vẫn kinh doanh ở địa chỉ trên. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận Công ty V đã cố tình giấu địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay mặc dù Công ty V không có văn bản ý kiến gì trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở xác định từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/11/2020 giữa Nhà phân phối P

và Công ty V đã xác lập hợp đồng mua bán hàng hoá và tính đến ngày 13/3/2020 tổng số tiền Công ty V còn nợ Nhà phân phối P 74.852.720 đồng. Do Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần buộc Công ty V phải có nghĩa vụ thanh toán trả Nhà phân phối P số tiền là 74.852.720 đồng. Xét thấy, do Công ty V chưa thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Nhà phân phối P nên cần buộc Công ty V phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Khắc P - chủ Nhà phân phối P số tiền là 74.852.720 đồng là phù hợp quy định của Điều 50 Luật Thương mại; Điều 280, 351 Bộ luật Dân sự.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Khắc P - chủ Nhà phân phối P nên Công ty V phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại ông Nguyễn Khắc P- Chủ Nhà phân phối P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 24,34, 35, 37, 50, 319 Luật Thương mại; Điều 280, 351 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Khắc P
- Chủ hộ kinh doanh P.

- Buộc Công ty cổ phần Đầu tư V phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Khắc P - Chủ hộ kinh doanh Phúc Hưng số tiền 74.852.720 đồng (bảy mươi tư triệu, tám trăm lẻ hai nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

- Về án phí: Buộc Công ty cổ phần Đầu tư V phải chịu 3.742.000 đồng tiền án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm.

Trả lại ông Nguyễn Khắc P - Chủ Hộ kinh doanh P số tiền 1.871.318 đồng là số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0000635, ngày 16/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Xuân Hà**